TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **23**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 09-5-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Dương Minh Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Hữu Hiệp.

Ông Đoàn Quốc Thống.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Võ Quốc L, sinh năm 1964 (có mặt)
- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị L1, sinh năm 1967 (có mặt)

Cùng cư trú: Ấp 8, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29-01-2019 và biên bản hòa giải ngày 12-4-2019 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Võ Quốc L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Quốc L và bà Phạm Thị L1 tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân năm 1987 và không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông L có quan hệ như vợ chồng với người phụ nữ khác, thường xuyên về nhà đánh đập bà L1 dẫn đến bất đồng quan điểm, đời sống hôn nhân không hòa hợp và ly thân từ năm 2001 cho đến nay. Nay ông L yêu cầu ly hôn với bà L1.

Về con chung: Có 04 người con chung tên Võ Trung K (nam), sinh năm 1987, Võ Chí C (nam), sinh năm 1989, Võ Huyền T (nữ), sinh năm 1992 và Võ Kiều B (nữ), sinh năm 2000. Hiện nay các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông L và bà L1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 12-4-2019 cũng như tại phiên tòa, bị đơn là bà Phạm Thị L1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà L1 xác định thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian sống ly thân đúng như ông L trình bày. Nay bà L1 thống nhất ly hôn với ông L.

Về con chung: Quá trình chung sống có 04 người con chung, bà L1 thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L1 đồng ý tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Quốc L và bà Phạm Thị L1 tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1987. Tuy ông L và bà L1 xác lập quan hệ hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật hôn nhân và gia đình nhưng trong quá trình chung sống, đến thời điểm yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn không có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà L1 không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về nuôi con chung: Có 04 người con chung tên Võ Trung K, sinh năm 1987, Võ Chí C, sinh năm 1989, Võ Huyền T, sinh năm 1992 và Võ Kiều B, sinh năm 2000. Hiện nay các con chung đã trưởng thành, điều kiện phát triển về thể chất và khả năng nhận thức bình thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông L và bà L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án.

[4] Về án phí sơ thẩm: Ông L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 14 và 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận ông Võ Quốc L và bà Phạm Thị L1 là vợ chồng.

- Tài sản chung và nợ chung: Ông Võ Quốc L và bà Phạm Thị L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí: Ông Võ Quốc L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ngày 29 tháng 01 năm 2019, ông L đã dự nộp án phí 300.000 đồng tại biên lai số 0004178 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông Võ Quốc L và bà Phạm Thị L1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Minh Út